TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2024/DS-PT
Ngày: 17/9/2024
V/v "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Văn Thường
- *Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Tấn Long
  Ông Trương Công Thi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2024/TLPT-DS ngày 22/7/2024 về việc *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1800/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1934; cư trú tại: Khu dân cư T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hiếu T; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trần Thị Khánh N - Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng L, sinh năm 1958, cư trú tại: Xóm T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện B; địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. Bà Cao Thị H1, sinh năm 1956; anh Huỳnh Hiếu T, sinh năm 1980; cư trú tại: Số F đường N, phường T, quận H, Thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Hiếu T, có mặt.

4. Chị Huỳnh Thị Kim H2, sinh năm 1988; hiện cư trú tại: 4 R street, A, 2144, S, NSW, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Hiếu T (theo văn bản ủy quyền được T8 tại S, Australia chứng thực ngày 14/8/2019), có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1937; ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1966; đều cư trú tại: Số nhà K đường T, quận H, Thành phố Đà Nẵng.

6. Ông Phạm T2, sinh năm 1930; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1957; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1, ông T1, ông T2, bà H3: Ông Huỳnh Văn H, có mặt.

8. Bà Huỳnh Thị Lệ H4, sinh năm 1964; cư trú tại: Số A, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

9. Bà Huỳnh Thị Lệ H5, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

10. Bà Huỳnh Thị Lệ H6, sinh năm 1970; cư trú tại: Khu dân cư Đ, thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

11. Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

12. Bà Huỳnh Thị Lệ H7, sinh năm 1976; cư trú tại: Số A đường C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt.

13. Bà Huỳnh Thị Lệ D, sinh năm 1977; ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1983; đều cư trú tại: T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

14. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1979; cư trú tại: Số B đường S, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

15. Ông Đặng Văn N1; bà Đặng Thị N2, sinh năm 1980; ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1990; đều cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

16. Ông Đặng Xuân V1, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

17. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1975; cư trú tại: Xóm C, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

18. Ông Đặng Xuân H8, sinh năm 1979; cư trú tại: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

19. Bà Bùi Thị T4, sinh năm 1959; các anh, chị: Võ Hoàng K, sinh năm 1987; Võ Hoàng Ấ, sinh năm 1988; Võ Thị Thùy N3, sinh năm 1991; Võ Thị Thùy M, sinh năm 1994 và Võ Hoàng N4, sinh năm 1999; đều cư trú tại: Xóm T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất: Nguyên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc trước năm 1945 là đất do cha mẹ ông tạo lập và sử dụng; sau năm 1975, ông và các anh chị em tiếp tục sử dụng trồng cây nhưng không có đăng ký kê khai. Vào khoảng năm 1987, Hợp tác xã N5 huy động nhân dân trồng cây trên một số đồi núi, trong đó có một số diện tích đất do cha mẹ ông để lại, đến năm 1990 thì thu hoạch cây và không còn trồng lại. Lúc này, cụ Võ L2 (là cha đẻ ông Võ Hoàng L) đem cây dương liễu trồng xen kẽ vào đất thuộc quản lý của anh chị em ông. Sau khi biết việc này, ông đã nhiều lần yêu cầu cụ Võ L2 giao trả lại đất thì cụ L2 đồng ý sau khi thu hoạch cây trồng sẽ trả lại đất (chỉ trao đổi miệng) nhưng chưa kịp thực hiện thì cụ L2 đã chết, sau đó ông Võ Hoàng L tiếp tục canh tác, sử dụng. Vào năm 2007, ông Võ Hoàng L đã tự ý bán đất cho doanh nghiệp khai thác, khi phát hiện việc này ông đến ngăn cản, báo chính quyền địa phương đến lập biên bản, sự việc chỉ dừng lại ở đó. Sau đó ông đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu giải quyết nhưng không được giải quyết. Đến khi có dự án của Công ty G thì ông L là người kê khai đất đai và được bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất nêu trên. Trong số diện tích 2.064m^2 mà ông Võ Hoàng L kê khai có cả phần diện tích ông Nguyễn T5 đã mượn vào năm 2005; vào năm 2014, ông T5 đã khai thác cây và viết giấy trả lại đất, sau đó thì ông L kê khai và chiếm luôn phần diện tích này. Vào năm 2014, khi nghe thông tin về kê khai đất, ông đã liên hệ với Địa chính xã B và được hướng dẫn về phát dọn ranh, cắm mốc chờ đo đạc nhưng không thấy UBND xã thực hiện. Đến khi có dự án của Công ty G, tiến hành kiểm kê tài sản thì tôi phát hiện ông Võ Hoàng L đã kê khai đất, được bồi thường, hỗ trợ nên tôi mới tranh chấp.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết xác định và những người thừa kế của cha mẹ, gồm: Bà Nguyễn Thị L1, ông Huỳnh Văn B1 (chết năm 2019, vợ là Cao Thị H1 và các con là Huỳnh Hiếu T, Huỳnh Thị Kim H2 thừa kế), ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm T2 và bà Phạm Thị H3 là những người được quyền sở hữu số tiền

247.680.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; do hộ ông Võ Hoàng L là người kê khai; thuộc dự án: Khu L.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Hoàng L trình bày:

Về nguồn gốc và sử dụng thửa đất: Thửa đất 111, tờ bản đồ số 37, diện tích 2.064m^2 thuộc Động G, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc của ông nội là Võ Kình lưu hạ lại cho cha mẹ ông là Võ L2 và Huỳnh Thị H9 sử dụng. Sau khi cha mẹ ông chết, ông là người tiếp tục quản lý sử dụng từ năm 1985 cho đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi đất. Trong quá trình sử dụng cho đến khi thu hồi, ông đã trồng cây và khai thác bán cây nhiều lần, không có ai tranh chấp hay thắc mắc về việc sử dụng đất của ông. Vào năm 2007, sau khi khai thác cây thì ông tiến hành cải tạo lại đất, lúc này ông H có đến ngăn cản nên ông không cải tạo đất, ông đã yêu cầu ông Hoàng cung c giấy tờ chứng minh đất đai do cha mẹ để lại nhưng ông H không chứng minh được, sau đó ông tiếp tục sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Đối với việc ông H cho rằng trong số diện tích ông kê khai có phần đất cho ông Nguyễn Thành m trồng cây, có giấy xác nhận của ông T5 vào năm 2005 và trả lại đất vào năm 2014 là không đúng. Thực tế, toàn bộ diện tích 2.064m^2 thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37 xã B được kê khai trong bản đồ địa chính, do hộ gia đình ông trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1985 đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Vào năm 2018, Nhà nước đã thu hồi các thửa đất này để thực hiện dự án khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát D, số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 247.680.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng), hiện nay Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B đang quản lý số tiền này vì đang có tranh chấp. Sau khi có thông tin về dự án gang thép H, Nhà nước thu hồi đất, bồi thường thì nguyên đơn tranh chấp, cho rằng đất này có nguồn gốc của cha mẹ nguyên đơn để lại. Vì tranh chấp nên số tiền được bồi thường, hỗ trợ chưa được chi trả cho gia đình ông.

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đối với ông là hoàn toàn không có căn cứ, không đúng thực tế sử dụng đất vì các thửa đất nêu trên do cha mẹ ông lưu hạ lại, ông đã sử dụng từ năm 1985 đến khi Nhà nước thu hồi, ông Huỳnh Văn H không phải là người quản lý, không sử dụng đất nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết xác định hộ của ông là người được quyền sở hữu số tiền bồi thường, hỗ trợ như trên.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Cao Thị H1, Huỳnh Hiếu T, Nguyễn Thị L1, Huỳnh Văn T1, Phạm T2, Phạm Thị H3, Huỳnh Thị Lệ H4, Huỳnh Thị Lệ H5, Huỳnh Thị Lệ H6, Huỳnh Văn V, Huỳnh Thị Lệ H7, Huỳnh Thị Lệ D, Huỳnh Văn T3, Huỳnh Văn Đ *trình bày:* Thống nhất về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không có yêu cầu độc lập.

Tại bản tự khai, các biên bản làm việc và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T4, *các anh, chị:* Võ Hoàng K, Võ Hoàng Ấ, Võ Thị Thùy N3, Võ Thị Thùy M *và* Võ Hoàng N4 *(vợ và các con của ông* Võ Hoàng L*) trình bày:*

Bà T4 và các anh chị là thành viên trong hộ ông Võ Hoàng L, xác định thửa đất nêu trên có nguồn gốc do ông, bà lưu hạ lại cho ông Võ Hoàng L quản lý và sử dụng từ sau năm 1985 đến khi Nhà nước thu hồi đất, trong quá trình sử dụng thửa đất nêu trên, hộ ông L đã trồng cây và khai thác nhiều lần, có kê khai như bị đơn đã trình bày. Bà T4 và các con xác định số tiền được bồi thường, hỗ trợ như trên là cho hộ ông L, đề nghị Tòa án giải quyết xác định hộ ông L là người được quyền sở hữu số tiền này.

UBND huyện B *và Trung tâm phát triển quỹ đất* huyện B *trình bày:*

Xác định thửa đất số 111, tờ bản số 37, xã B, loại đất trồng cây lâu năm do hộ ông Võ Hoàng L là người kê khai trong dự án: Khu liên hiệp sản xuất gang thép H10; các thửa đất này UBND huyện B đã thu hồi đất, số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 247.680.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Vì giữa các bên xảy ra tranh chấp nên số tiền này được Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B gửi vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, sau khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong tranh chấp thì sẽ thực hiện việc chi trả cho người được quyền sở hữu số tiền này.

Theo kết quả xác minh, xác nhận của UBND xã B thì thửa đất số 111 nêu trên có nguồn gốc do ông bà lưu hạ lại cho cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị H9 (cha mẹ đẻ của ông Võ Hoàng L) quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Sau khi Võ L2 và cụ Huỳnh Thị H9 chết thì ông Võ Hoàng L tiếp tục quản lý, sử dụng từ năm 1985 đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông Huỳnh Văn H tranh chấp quyền sử dụng đất tại thời điểm thực hiện dự án Khu liên hiệp sản xuất gang thép Hòa Phát D, đã được UBND xã B xác minh, hòa giải theo thẩm quyền nhưng kết quả hòa giải không thành. Việc các bên tranh chấp quyền sở hữu đối với số tiền nêu trên thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, UBND huyện B và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B cung cấp hồ sơ về kết quả kiểm kê, xác lập hồ sơ thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, quyết định thu hồi đất; hồ sơ xác minh nguồn gốc đất; hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ hòa giải tại xã, báo cáo kết quả giải quyết, đề nghị vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại là các ông, bà Đặng Văn N1, Đặng Thị N2, Đặng Văn Đ1, Đặng X, Đặng Thị B, Đặng Xuân H8*:* Từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến trình bày, không có yêu cầu độc lập và không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến các thửa đất nêu trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu Tòa án xác định ông Huỳnh Văn H và những người thừa kế của cha mẹ ông (gồm: Bà Nguyễn Thị L1, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm T2, bà Phạm Thị H3, bà Cao Thị H1, ông Huỳnh Hiếu T, bà Huỳnh Thị Kim H2) là người được sở hữu số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Hộ ông Võ Hoàng L được quyền sở hữu số tiền 247.680.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) theo Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Hoàng L đang sử dụng đất tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B có nghĩa vụ chi trả số tiền 247.680.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) cho hộ ông Võ Hoàng L theo mục 3 Điều 2 Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện B.

Hộ ông Võ Hoàng L có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác để được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/3/2024, ông Huỳnh Văn H kháng cáo đề nghị xác định 61.920.000 đồng tiền bồi thường thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là của cha mẹ ông.

Luật sư đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Văn H; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Nguồn thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37, xã B: Ông H trình bày trước năm 1945, cha ông là cụ Huỳnh B2 khai phá diện tích khoảng 35.000m^2 tọa lạc tại xứ Động G, thuộc thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, sau khi cha mẹ ông chết, ông và chị gái là Huỳnh Thị Thanh quản l, sử dụng đất để trồng mì, phát dọn chăm sóc đồi tranh, đến khoảng năm 1990 thì cha của bị đơn là cụ Võ L2 trồng cây xen kẽ trên một phần diện tích đất mà cha mẹ ông H để lại, sau khi cha mẹ chết thì ông Võ Hoàng L sử dụng và chiếm luôn. Còn bị đơn cho rằng nguồn gốc các thửa đất nêu trên do cha mẹ bị đơn sử dụng từ trước năm 1945, sau năm 1975 cha mẹ tiếp tục sử dụng và giao lại cho bị đơn sử dụng từ năm 1985 đến khi Nhà nước thu hồi đất. Nhưng theo các biên bản xác minh nguồn gốc đất vào các ngày: 26, 27, 28/12/2017 và ngày 06/02/2018 (từ bút lục số 335 đến bút lục số 342), biên bản lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đối với thửa đất do ông H tranh chấp với ông L ghi ngày 26/6/2018 của UBND xã B thì các ông, bà: Phan Trường, Bùi T6, L, Nguyễn C, Huỳnh T7 và một số bậc cao niên khác là những người làm chứng, sử dụng đất liền kề đã xác định nguồn gốc thửa đất nêu trên trước đây do ông bà lưu hạ lại cho cụ Võ L2 và cụ Huỳnh Thị H9 (cha mẹ đẻ ông Võ Hoàng L) sử dụng từ trước năm 1975; sau năm 1975, cụ L2 và cụ H9 già yếu nên giao lại cho con là Võ Hoàng L tiếp tục sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi đất, ông H không sử dụng đất từ sau năm 1975 và cũng không có trồng cây trên vùng đất này. Trong khi đó nguyên đơn có cung cấp các người làm chứng nhưng không đủ độ tin cậy. Như vậy, thửa đất nêu trên có nguồn gốc do cha mẹ ông L tạo lập và sử dụng từ trước năm 1975, sau khi cha mẹ già yếu thì giao lại cho ông L tiếp tục sử dụng để trồng cây, đã khai thác nhiều lần và sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi đất.

[1.2] Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Theo kết quả xác minh, làm việc với nhân chứng, đối chiếu với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thì thấy rằng thửa đất số 111 như trên do ông bà lưu hạ lại cho cha mẹ bị đơn sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 1985 thì giao lại cho bị đơn sử dụng, trong quá trình sử dụng đất, bị đơn tiến hành trồng cây, khai thác nhiều lần, sử dụng ổn định đến khi trúng dự án, Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ như trên. Ông H căn cứ vào nguồn gốc đất do cha mẹ ông sử dụng từ trước năm 1945 để tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ với bị đơn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H trình bày trước năm 2007, gia đình ông sinh sống tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh

Quảng Ngãi, cùng địa phương với bị đơn và một số hộ dân khác, bản thân ông H tham gia công tác tại Hợp tác xã N5 (làm Kế hoạch HTX), biết rõ việc sử dụng đất của bị đơn nhưng ông và những người thừa kế của cha mẹ ông không phản đối hay tranh chấp về việc sử dụng đất này. Kết quả xác minh tại UBND xã B thể hiện trước khi có dự án Khu liên hiệp sản xuất gang thép Hòa Phát D, UBND xã không nhận được đơn thư tranh chấp hay yêu cầu giải quyết của ông H với bị đơn, việc tranh chấp xảy ra sau khi có thông tin về dự án nêu trên, trong thời gian tranh chấp thì Nhà nước tiến hành thu hồi thửa đất số 111 để thực hiện dự án, sau đó ông H tiếp tục tranh chấp tiền bồi thường, hỗ trợ như hiện nay.

Trong quá trình UBND xã B tiến hành kiểm tra thực địa đất tranh chấp để thực hiện thủ tục hòa giải (trước khi Nhà nước thu hồi đất), ông H không xác định được vị trí, diện tích, khu vực có đất mà ông cho rằng do cha mẹ ông để lại, chỉ chung chung khu vực đồi núi, cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mượn đất trồng cây nên không có cơ sở để xác định lời trình bày của ông là có căn cứ. Mặc khác, ông H không trực tiếp sử dụng đất, cũng không trồng cây trên đất, không có đăng ký, kê khai và cũng không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai; vì ông không trực tiếp quản lý, sử dụng đất nên cũng không đủ điều kiện để được Nhà nước xem xét công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013 và Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[1.3] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Ông Huỳnh Văn Hoàng là người cao tuổi theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, khoản 16 Điều 3, các Điều 26, khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77, 83, 84, 101, 166 và Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 1 Điều 13 và Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 166, Điều 221 và Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu Tòa án xác định ông Huỳnh Văn H và những người thừa kế của cha mẹ ông (gồm: Bà Nguyễn Thị L1, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm T2, bà Phạm Thị H3, bà Cao Thị H1, ông Huỳnh Hiếu T, bà Huỳnh Thị Kim H2) là người được sở hữu 61.920.000 đồng tiền bồi thường thửa đất số 111, tờ bản đồ số 37, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là của cha mẹ ông.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn H không phải chịu án phí.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường